

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HS-ST

Ngày: 27- 01 -2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Toàn

2. Bà Lê Thị Kim Hoa

-Thư ký phiên tòa: Ông Đa Văn Thắng–Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13-tỉnh Lâm Đồng

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy–Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2025/TLHS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1994, tại tỉnh Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú hiện nay: Thôn P, xã P, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính:Nam; tôn giáo:Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 và con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 2 anh em; tiền án: 02 tiền án (Bản án số 58/2019/HSST ngày 24/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” chấp hành án xong, chưa nộp bồi thường dân sự 3.000.000 đồng; Bản án số 71/2022/HSST ngày 06/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong hình phạt và án phí ngày 19/10/2024); tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác theo Quyết định nhập vụ án hình sự số C8983 ngày 31/12/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L.

Bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam S1- Phân trại tạm giam T, sơ sở 1, tỉnh Lâm Đồng.

-Người bị hại: Trương Ngọc S, sinh năm 1967(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

-*Người làm chứng*: Mai Trần X, năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 8 giờ ngày 30/6/2025, Nguyễn Văn T thuê phòng số 2 nhà nghỉ B, tại thôn B, xã B để trọ. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, bạn gái của T tên T1 đến ở cùng với T, 10 phút sau, Nguyễn Văn T đi ra ngoài thấy ông Trương Ngọc S đang nằm ngủ trên ghế đá trước nhà ông Võ Ngọc T2 đối diện nhà nghỉ B, trên bàn ghế đá bên cạnh ông S có để chiếc điện thoại loại cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A 50 màu xanh đen. Bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lén đi vào chỗ chiếc điện thoại lấy cất giấu vào túi quần bên phải của T rồi thuê xe ôm chở đến nhà Mai Trần X (thường gọi là H) bán cho H số tiền 400.000 đồng và Nguyễn Văn T dùng tiền mua ma túy và thuê xe chở đi về lại phòng trọ thuê tại nhà nghỉ B lấy ma túy ra đổ vào bình chuẩn bị sử dụng thì quản lý nhà trọ gọi cửa hỏi “*có lấy điện thoại của ông S không thì trả lại, nếu không trả thì người ta báo Công an*” nhưng bị cáo T không thừa nhận. T sợ phát hiện ma túy nên đổ vào bồn cầu và rời khỏi phòng trọ tính bỏ trốn. Vừa đi một đoạn thì nghe tiếng giữa bạn gái T và ông S đang nắm tay giằng co, bị cáo T lấy cục đá dưới đất đe dọa ném ông S yêu cầu thả tay T1 ra thì lúc này Công an đến nên T bỏ chạy và bị bắt giữ đưa về trụ sở Công an xã làm việc và T khai nhận hành vi.

Tang vật chứng: Công an đã thu lại chiếc điện thoại Samsung A50 số Seri R58M45AS3AN, số máy A505/DS màu đen tại nhà Mai Trần X vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 30/6/2025.

- Tại kết luận định giá tài sản số 3370/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: chiếc điện thoại bị T chiếm đoạt của ông S trị giá 2.167.000(*Hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Về dân sự: Chiếc điện thoại sau khi định giá đã giao trả lại bị hại ông Trương Ngọc S và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại cáo trạng số 17/CT –VKKV13 ngày 12/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

-Đối với Mai Trần X không biết điện thoại T bán do phạm tội mà có nên không xem xét hành vi của Mai Trần X về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

-Đối với bạn gái bị cáo tên T1 không rõ nhân thân lại lịch nên không có căn cứ xác minh.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi tính chất phạm tội giữ nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo tội danh và điều, khoản mà Viện kiểm sát truy tố. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 (tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo) Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02(Hai) năm 06(Sáu) tháng đến 03(Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Hình phạt bổ sung: không; Về xử lý tang vật chứng vụ án; không; Về trách nhiệm dân sự: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại Trương Ngọc S nhưng Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015(BLTTHS).

[2]*Về cấu thành tội phạm:* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai thừa nhận hành vi như cáo trạng nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại có trong hồ sơ vụ án và đơn trình báo tại các Bút lục (Bút lục 68-69, 02), lời khai người làm chứng Mai Trần X (BL 72), biên bản xác nhận hiện trường, biên bản xác nhận tang vật, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (BL 04-06) kết luận định giá số 3370/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2025(BL 21), kết luận điều tra số C558/BKL-VPCQCSĐT ngày 02/12/2025(BL 73-74) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận vào khoảng hơn 9 giờ ngày 30/6/2025, bị cáo Nguyễn Văn T đang thuê phòng trọ tại nhà nghỉ B vào nhà ông Võ Ngọc T2 đến bàn ghế đá nơi ông Trương Ngọc S đang nằm ngủ có để chiếc điện thoại, bị cáo lén lút lấy cất giấu vào túi quần đi về phòng và đem bán cho M Trần Xóm lấy 400.000 đồng mua ma túy sử dụng. Khi ông S ngủ dậy phát hiện mất điện thoại và ông T2 xem camera phát hiện người thuê phòng trọ tại nhà nghỉ B nên sang yêu cầu trả lại nhưng bị cáo không thừa nhận, không trả và sau đó thuê xe ôm chở đi trốn nhưng bị cơ quan Công an giữ lại đưa về trụ sở lấy lời khai bị cáo thừa nhận hành vi.

Trị giá chiếc điện thoại bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Trương Ngọc S là 2.167.000 đồng đã phạm vào “tội trộm cắp tài sản”. Do bị cáo Nguyễn Văn T có 02(Hai) tiền án chưa xóa án tích, đã áp dụng tình tiết tăng

nặng “tái phạm” nên lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tội “Trộm cắp tài sản” tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]*Về tính chất hành vi tội phạm của bị cáo:* Bị cáo áo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng do tham lam, lười lao động nên thấy sơ hở của người quản lý tài sản là chiếm đoạt mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là cố trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây lo lắng người dân không yên tâm lao động sản xuất và ảnh hưởng xấu tình hình trị an tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/6/2025 đã phát hiện chưa xét xử, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác hiện nay cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số C69 ngày 18 tháng 8 năm 2025 về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy” và số C343 ngày 15/10/2025 về tội “ trộm cắp tài sản”, chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp nên cần xử bị cáo mức án nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe và cải tạo bị cáo trở thành công dân sống chấp hành pháp luật cũng như phòng ngừa tội phạm hiện nay.

[4]*Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[4.1]*Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đã áp dụng truy tố bị cáo nên bị cáo không bị áp dụng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4.2]*Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Văn T3 thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Đối với tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa:* Bị cáo không tranh luận gì thêm thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

[6] *Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.*

[7]*Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Trương Ngọc S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm Hội đồng xét xử không xét.

[8]*Về xử lý vật chứng:* Chiếc điện thoại hiệu Samsung A50 số Seri R58M45AS3AN, số máy A505/DS màu đen cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại là có căn cứ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[9]*Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03(Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử buộ: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND KV 13-Lâm Đồng;
- Phòng THAD KV 13-Lâm Đồng;
- Trại tạm giam số 3;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Thảo

